

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2021/HS-ST**

Ngày: 05-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Minh Thọ;

Ông Vàng Huy Lập.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn D; sinh ngày 13 tháng 5 năm 1995, tại Lâm Đồng; nơi cư trú: 45/4 đường H, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1961 và bà Bùi Thị S, sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; tiền án: tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại tại phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- Bị hại: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: 25 đường H, phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với gia đình nên từ tháng 06/2020, Lê Văn D thuê trọ tại cơ sở lưu trú PT, địa chỉ số 25 đường H, phường K, thành phố Đ. Quá trình ở tại đây, D phát hiện 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 72F1 -703.50 màu đỏ trắng và 01 xe mô tô

hiệu Yamaha Nouvo Fi, màu đỏ đen, biển số: 49B1- 223.54 của chị Đặng Thị T để ở bãi để xe ít được sử dụng nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 04 giờ ngày 24/7/2020, D mang theo 01 cái kim, 03 cờ lê và 01 cái tua vít đi đến khu vực để xe, quan sát thấy không có người trông coi, D dùng cờ lê tháo 02 bánh xe và 01 con heo dầu gắn ở bánh trước của xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số: 72F1 – 703.50, rồi tháo tiếp 01 con heo dầu gắn ở bánh trước của xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 49B1 – 223.54 rồi mang về phòng cất giấu. Đến 10 giờ cùng ngày, D mang 02 bánh xe lấy trộm nói trên cất giấu vào bụi cây ở khu vực HĐ đường H, phường K, thành phố Đ, còn 02 con heo dầu trộm cắp được D gắn vào bánh trước và bánh sau xe mô tô hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 49P3 – 7213 mà D đang sử dụng. Đến 22 giờ cùng ngày, Công an phường K, thành phố Đ đã mời Lê Văn D về trụ sở làm việc và D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 173/KL-ĐG ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định: 01 (một) bánh xe mô tô (bánh sau) của xe hiệu Honda Winner, biển số: 72F1 – 703.50, niềng xe hiệu RCB, vỏ xe bằng cao su màu đen CRV TIR, có gắn đĩa trị giá 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng; 01 (một) bánh xe mô tô (bánh trước) của xe hiệu Honda Winner, biển số: 72F1 – 703.50, niềng hiệu RCB, vỏ xe bằng cao su màu đen MICHELIN, có gắn đĩa ghi chữ GALFER trị giá 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng; 01 (một) con heo dầu của xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số: 72F1 – 703.50 có ghi 5C.17; C19 và có chữ Nissin trị giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; 01 (một) con heo dầu của xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo F1, biển số 49B1 – 223.54, trên heo dầu có ghi 5T04; T05 và có chữ Nissin trị giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản mà Lê Văn D chiếm đoạt của chị Đặng Thị T là 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng.

Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 30/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn D về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 30/12/2020. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 06 - 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 – 18 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại chị T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 (một) tua vít; 01 (một) kim; 01 (một) cờ lê số 13; 01 (một) cờ lê số 17; 01 (một) cờ lê số 19 là công cụ bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell bàn phím màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung cảm ứng màu đen; 01 (một) xe mô tô Dream màu nâu không có biển số; 01 (một) đăng ký xe mô tô số 006963 (biển kiểm soát 49P3 – 7213); 01 (một) biển số xe 49P3 – 7213 là tài sản hợp pháp của bị cáo, không phải do phạm tội mà có.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo cam đoan không vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: bị hại chị T có đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy việc vắng mặt của chị T không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Vì mục đích tư lợi cá nhân, Khoảng 04 giờ ngày 24/7/2020, tại cơ sở lưu trú PT, địa chỉ số 25 đường H, phường K, thành phố Đ, lợi dụng lúc mọi người còn đang ngủ, bị cáo Lê Văn D đã lén lút sử dụng kim, cờ lê và tua vít tháo bánh xe trước, bánh xe sau cùng 01 con heo dầu gắn ở bánh trước của xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 72F1-703.50 và tháo 01 con heo dầu gắn ở bánh trước của xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 49B1-223.54 của chị Đặng Thị T có tổng trị giá theo Kết luận định giá tài sản số 173/KL-ĐG ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ là 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng với mục đích để gắn vào chiếc xe mô tô hiệu Dream mà bị cáo đang sử

dụng. Hành vi của bị cáo Lê Văn D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) tua vít; 01 (một) kim; 01 (một) cờ lê số 13; 01 (một) cờ lê số 17; 01 (một) cờ lê số 19 là công cụ bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell bàn phím màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung cảm ứng màu đen; 01 (một) xe mô tô Dream màu nâu không có biển số; 01 (một) đăng ký xe mô tô số 006963 (biển kiểm soát 49P3 – 7213); 01 (một) biển số xe 49P3 – 7213 thu giữ của bị cáo D. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không phải do phạm tội mà có nên trả lại cho bị cáo.

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt thu giữ và đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Đặng Thị T 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 72F1 – 703.50 màu đỏ trắng bị tháo rời 02 bánh (bị mất heo dầu bánh trước); 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo Fi, màu đỏ đen, biển số 49B1 – 223.54 (bị mất heo dầu bánh trước); 02 (hai) bánh xe có niềng xe hiệu RCB, vỏ xe bằng cao su màu đen và 01 (một) con heo dầu (5C.17;C19, Nisin) của xe mô tô hiệu Honda Winner; 01 (một) con heo dầu (5T04; T05) của xe mô tô hiệu Nouvo Fi là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Lê Văn D 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Lê Văn D cho Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tua vít; 01 (một) kim; 01 (một) cờ lê số 13; 01 (một) cờ lê số 17; 01 (một) cờ lê số 19.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn D: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell bàn phím màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung cảm ứng màu đen; 01 (một) xe mô tô Dream màu nâu không có biển số; 01 (một) đăng ký xe mô tô số 006963 (biển kiểm soát 49P3 – 7213); 01 (một) biển số xe 49P3 – 7213.

(Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/01/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị T vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lệ Quyên